

Bản án số: 71/2024/HS-PT

Ngày: 13/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: ông Đặng Văn Quyết.

ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yên Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2024/TLPT-HS ngày 13/3/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị N (tên gọi khác: B), sinh năm 1968; giới tính: nữ;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: bản T, xã Đ, huyện Y; tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: làm ruộng; con ông: Nguyễn Điều T1 và bà: Vương Thị H (đều đã chết); có chồng là Lê Văn H1, sinh năm 1969 (đã chết) và có 2 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa. (có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có 01 bị hại và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa nguyên đơn ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1961, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với bị đơn bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968, trú tại bản Trại Mới, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Quá

trình giải quyết vụ án, một số lần bà N vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định. Trong các ngày 12/02/2018 và 23/3/2018, bà N có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và giao các văn bản tố tụng cho bà N. Ngày 09/4/2018, Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà N vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai theo quy định. Phiên tòa xét xử vào ngày 09/5/2018 nhưng bà N vắng mặt, Tòa án hoãn phiên tòa và tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định. Phiên tòa xét xử tiếp theo vào ngày 24/5/2018 nhưng bà N tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST. Theo bản án, bà N phải thanh toán trả cho ông Đ tổng số tiền 64.456.700 đồng và lãi suất chậm thi hành án. Ngày 30/5/2018, Tòa án tiến hành giao bản án nhưng bà N không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai bản án tại nhà bà N và tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y theo quy định. Hết thời hạn luật định, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế không nhận được kháng cáo, kháng nghị, xác định bản án có hiệu lực pháp luật và giao bản án cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế để thi hành.

Thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế tiến hành các trình tự, thủ tục như: Xác định tài sản thi hành án, xác định phần quyền sở hữu tài sản, kê biên, cưỡng chế thi hành án, tiến hành bán đấu giá tài sản, thanh toán các khoản phải trả của bà N cho Ngân hàng và ông Đ... theo quy định. Anh Trần Văn L, sinh năm 1980, trú tại số A, đường N, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội là người trúng đấu giá tài sản kê biên, cưỡng chế của Chi cục thi hành án dân sự là quyền sử dụng đất có diện tích 2.350m² của gia đình bà N thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 75, địa chỉ tại bản T, xã Đ, huyện Y (tài sản trên đất có chuồng chăn nuôi, 59 cây bưởi, 80 cây nhãn, 15 cây vải). Toàn bộ quyền sử dụng đất và số tài sản trên đất đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế cưỡng chế giao cho anh L sở hữu và sử dụng từ ngày 13/01/2022. Sau khi nhận tài sản, anh L về thành phố Hà Nội sinh sống, không giao cho ai quản lý, trông coi đất và tài sản trên đất.

Khoảng tháng 02/2022, N đã có hành vi dùng cưa tay và dao quắm cắt, chặt 55 cây bưởi, 80 cây nhãn, 15 cây vải, san ủi đất tạo thành bãi phơi ván bóc trên phần diện tích đất của anh L. Ngày 10/4/2022, anh L ở thành phố Hà Nội về cùng anh Nguyễn Văn L1- sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang phát hiện các cây cối trên đất bị cắt, chặt và đất bị san ủi. Anh L1 đã gặp N hỏi chuyện thì N thừa nhận là người đã cắt, chặt cây, san ủi đất và cho rằng đó là tài sản của gia đình nên bà có quyền.

Ngày 15/4/2022, anh Trần Văn L gửi đơn tố giác hành vi hủy hoại tài sản của N đến Công an xã Đ, huyện Y. Ngày 22/4/2022, Công an xã Đ chuyển hồ sơ đến Công an huyện Y.

Ngày 27/5/2022, anh Nguyễn Văn L1 giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y 01 USB có chữ “Apacer” bên trong có lưu 02 file video, trong đó có video thể hiện cuộc nói chuyện giữa anh L1 và bà N vào ngày 10/4/2022.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận:

- Hội đồng không tiến hành định giá tài sản đối với tài sản dưới đây vì thông tin tài sản cung cấp chưa đủ. Cụ thể:

+ 55 (năm mươi lăm) cây bưởi, đường kính tán lá từ 01 mét - 1,5 mét, yêu cầu cung cấp thông tin đường kính gốc đo cách mặt đất 15cm;

+ 19 (mười chín) cây nhãn, đường kính tán lá từ 01 mét - 1,5 mét, yêu cầu cung cấp chi tiết đường kính từng tán cây.

- Hội đồng tiến hành định giá các tài sản sau:

+ 61 (sáu mươi một) cây nhãn, đường kính tán lá 1,5 mét có giá trị 18.788.000 đồng;

+ 13 (mười ba) cây vải, đường kính tán lá 1,5 mét có giá trị 8.216.000 đồng;

+ 02 (hai) cây vải, đường kính tán lá 01 mét có giá trị 792.000 đồng;

Giá trị của tài sản trên là: 27.796.000 đồng (Hai bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 1583/KL-KTHS ngày 12/9/2022 của **Phòng K Công an tỉnh B** kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép nội dung hình ảnh trong các file video được lưu trữ trong 01(một) thiết bị lưu trữ USB nhãn hiệu Apacer, màu nâu - trắng gửi giám định sau: Tên file “VID_20220113_092336.mp4”; dung lượng: 255MB; thời lượng: 01 phút 46 giây; Tên file (“VID_20220410_144110.mp4”; dung lượng: 1,41GB; thời lượng: 10 phút 06 giây.

Ngày 01/11/2023, Cơ quan điều tra cho bị can **Nguyễn Thị N** xem video clip, bị can thừa nhận đoạn video thể hiện cuộc nói chuyện giữa anh **L1** và bị can vào ngày 10/4/2022.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Thị N** thừa nhận biết rõ việc Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế đã cưỡng chế, kê biên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với diện tích 2.350m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 75 và bàn giao cho anh **Trần Văn L** là người trúng đấu giá. Tuy nhiên, **N** không đồng ý việc cưỡng chế, kê biên tài sản vì cho rằng mình không được nhận Bản án số 08/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế. Do đó, **N** tự mình cắt chặt cây thuộc diện tích đất đã bị cưỡng chế, kê biên. Đối với các cây vải, nhãn có đường kính gốc nhỏ (khoảng dưới 15cm) và các cây bưởi thì **N** dùng dao quắm bằng sắt dài khoảng 40cm, lưỡi rộng khoảng 04cm để chặt phần gốc, còn các cây nhãn có đường kính gốc to hơn thì **N** dùng cưa tay dài khoảng 40- 50cm, có chuôi bằng gỗ dài khoảng 15cm, phần lưỡi bằng kim loại rộng khoảng 04cm để cắt trước rồi mới dùng dao quắm chặt đở; **N** không xác định được đã chặt chính xác bao nhiêu cây.

Nguyễn Thị N cho rằng chưa lần nào làm việc với Tòa án nhân dân huyện Yên Thế về các nội dung có liên quan đến vụ án dân sự trên. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của **N** với chữ ký, chữ viết trong các biên bản giao nhận, biên bản ghi lời khai trong hồ sơ vụ án dân sự. Tại Bản kết luận giám định số: 2264/KL-KTHS ngày 22/12/2022 của **Phòng K Công an tỉnh B** kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết có nội dung “**N - Nguyễn Thị N**” dưới các mục “Bên nhận”, “Người khai” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Thị N** trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra (bút lục 465). Tòa án nhân dân huyện Yên

Thế xác định đã tiến hành niêm yết bản án số 08/2018/DSST ngày 24/05/2018 tại nhà **N** và UBND xã **Đ**, huyện **Y** theo quy định.

Tại văn bản số 1677/CTHADS-NV ngày 28/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang xác định trình tự, thủ tục Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế kê biên, cưỡng chế tài sản đối với bà **Nguyễn Thị N** như trên là đúng các quy định của pháp luật. Tại văn bản số 1545/CV-TA ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cung cấp cho biết nội dung đã trả lại đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế của **Nguyễn Thị N** do đơn của **N** gửi đã quá hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình điều tra ban đầu **Nguyễn Thị N** khai **Lê Văn Q**, sinh năm 1991 là con trai ở cùng nhà với **N** có hành vi chặt phá cây bưởi, vải, nhãn cùng **N**. Nhưng **Lê Văn Q** không thừa nhận, tiến hành đối chất, **Q** khai khoảng tháng 01/2022, **Q** được **N** nhờ cắt một số cây nhãn ở phần đất của ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1964 ở **bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** (là anh ruột của **N**) cho gia đình **Q** mượn làm bãi trồng cây và làm đường vào nhà. Sau khi đối chất và xem sơ đồ thể hiện ranh giới, mốc giới diện tích đất thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ 75 thì **N** xác định số cây bưởi, vải, nhãn trồng trên diện tích đất 2.350m² do **N** chặt phá, còn số cây nhãn **N** nhờ **Q** cắt là thuộc bãi của ông **N1** cho mượn trồng cây và làm đường như **Q** trình bày là đúng. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý **Lê Văn Q** về vai trò đồng phạm với **Nguyễn Thị N**.

Ngày 03/11/2023, Cơ quan điều tra cho **N** và **Q** xác định vị trí chặt phá cây. Kết quả **N** và **Q** xác định vị trí **Q** cắt các cây nhãn ở khu vực rìa lối vào nhà **N** thuộc phần đất gia đình **N** được ông **N1** cho mượn làm bãi trồng cây và đường đi, bãi cây không nằm trong diện tích của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 75 kể trên.

Đối với con dao quắm và chiếc cưa mà **N** dùng để chặt phá cây, **N** đã mang về nhà nhưng không nhớ để ở đâu nên không thu giữ được.

Đối với số cây chưa định giá được, Cơ quan điều tra đã yêu cầu anh **L** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế cung cấp thêm thông tin để tiến hành định giá nhưng anh **L** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế không cung cấp được thông tin, tài liệu gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **L** yêu cầu **N** bồi thường số tiền là 27.796.000 đồng theo kết quả định giá tài sản. Đối với số cây bị thiệt hại chưa định giá được thì anh **L** không có yêu cầu, đề nghị gì. Đến nay, **N** đã khắc phục hậu quả nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường cho anh **L**.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đã truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Nhung** về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

* Về trách nhiệm hình sự: căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị N** 06 (sáu) tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo **Nguyễn Thị N** phải bồi thường cho

ông **Trần Văn L2** số tiền 27.796.000đ, được trừ số tiền 2.000.000đ bị cáo đã nộp trước và số tiền 2.000.000đ bồi thường trực tiếp tại phiên tòa, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông **L2** số tiền 23.796.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

* *Về vật chứng*: trả cho ông **Trần Văn L** số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) do bị cáo **Nguyễn Thị N** nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 19/01/2024, bị cáo **Nguyễn Thị N** có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **N** trình bày: bị cáo xác nhận án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo do không hiểu biết pháp luật nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo thấy hành vi của mình là sai và đã ăn năn hối hận về hành vi của mình; bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả bồi thường toàn bộ cho bị hại tại Cơ quan thi hành án, do bị hại ở xa nên bị cáo không liên lạc được nên bị cáo mới nộp cho Cơ quan thi hành án; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên mong hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị N** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “hủy hoại tài sản”, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho **UBND xã Đ, huyện Y**, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xác nhận bị cáo đã nộp xong số tiền bồi thường thiệt hại theo bản án sơ thẩm là 23.796.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo **N** không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Trong khoảng 20 ngày từ đầu tháng 02/2022, bị cáo Nguyễn Thị N, đã có hành vi dùng cưa tay và dao quắm cắt, chặt 61 cây nhãn, đường kính tán lá 1,5 mét; 13 cây vải đường kính tán lá 1,5 mét; 02 cây vải đường kính tán lá 01 mét của anh Trần Văn L, sinh năm 1980, trú tại số A, đường N, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội là chủ sở hữu các tài sản nêu trên với tổng giá trị tài sản được định giá là 27.796.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn chặt phá một số cây cối khác thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 75, địa chỉ tại bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang của gia đình anh L nhưng không tiến hành định giá được. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra trong khoảng thời gian dài (khoảng 20 ngày), trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, đồng thời còn ảnh hưởng tiêu cực đến ý thức chấp hành bản án cũng như việc chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc tổ chức thi hành bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Huỷ hoại tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

[3.1] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã khắc phục được 1 phần hậu quả, nộp và bồi thường cho bị hại được số tiền 4.000.000đ, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 (sáu) tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và không nặng.

[3.2]. Bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa bị cáo **N** giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và nộp biên lai nộp tiền bồi thường cho ông **Trần Văn L** theo Quyết định của bản án sơ thẩm số tiền 23.796.000đồng. Đây là tình tiết mới ở cấp phúc thẩm cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, nhận thức pháp luật hạn chế, là người tuổi cao, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, nên không cần phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên mức hình phạt 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo **Nguyễn Thị N** như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị N**, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: thiệt hại mà bị cáo gây ra cho bị hại được định giá là 27.796.000đ nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền này. Bị cáo đã nộp được số tiền 2.000.000đ mục đích để bồi thường và đã bồi thường trực tiếp tại phiên tòa được 2.000.000đồng, nay cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 23.796.000đ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền 23.796.000đồng tại biên lai số 0002136 ngày 07/5/2024 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Xác nhận bị cáo đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự.

[6]. Về vật chứng: trả cho ông **Trần Văn L** số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và số tiền 23.796.000đồng (hai ba triệu bảy trăm chín sáu triệu đồng) do bị cáo **Nguyễn Thị N** nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

[7]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Thị N**, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

2. Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Huỷ hoại tài sản”, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị N** cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo **Nguyễn Thị N** thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị N** phải bồi thường cho ông **Trần Văn L** số tiền 27.796.000đ, được trừ số tiền 2.000.000đ bị cáo đã nộp trước và số tiền 2.000.000đ bồi thường trực tiếp tại phiên toà, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông **L** số tiền 23.796.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền 23.796.000đồng tại biên lai số 0002136 ngày 07/5/2024 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Xác nhận bị cáo đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự.

* Về vật chứng: trả cho ông **Trần Văn L** số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và số tiền 23.796.000đồng (hai ba triệu bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng) do bị cáo **Nguyễn Thị N** nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA, Chi cục THADS huyện Yên Thế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

